

MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ TƯ TƯỞNG HỆ TRONG PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN PHÊ PHÁN

NGUYỄN THANH TÙNG *

1. Dẫn nhập

Từ trước đến nay việc nghiên cứu ngôn ngữ có thể qui về hai mô hình chính : ngôn ngữ như một hệ thống độc lập và ngôn ngữ gắn với hiện thực xã hội. Mô hình thứ nhất thường được gắn với Ferdinand de Saussure và mô hình thứ hai thường được liên tưởng tới Malinowski với hai loại văn cảnh : văn cảnh tình huống và văn hoá. Để tiếp cận những thông điệp liên quan đến thông tin xã hội – chính trị gắn với hai loại văn cảnh này trong văn bản, người ta thường tìm đến các nhà phân tích văn bản, diễn ngôn, và đặc biệt là diễn ngôn phê phán. Các nhà nghiên cứu này không chỉ nghiên cứu nội dung văn bản mà nghiên cứu hình thái của chúng và xem xét kiến thức giả định hoặc bỏ qua. Những nội dung này phát triển rất mạnh mẽ trong những thập niên vừa qua và là chủ đề có lượng tài liệu rất lớn.

Từ những kiến thức trình bày trên, bài viết này lập luận rằng trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng việc khai thác những kiến thức gắn với văn hoá – xã hội được tác giả lồng ghép vào trong văn bản là cần thiết, ngoài kiến thức về hệ thống ngôn ngữ, như ngữ âm, từ vựng, và ngữ pháp. Nói cách khác, khi tạo một văn bản, tác giả thường tưởng tượng ra một loại người đọc nào đó và đặt người đọc trong một bối cảnh nào đó mà tác giả cho là đúng, là tốt, là đẹp, xã hội nên được tổ chức như thế này, và những người như “chúng ta” nên hành xử như thế này. Người tạo ra văn bản là người có quyền gắn tư tưởng hệ cho những gì mình viết ra.

* TS, Trường ĐHSP Tp.HCM.

2. Khung lí thuyết

Như đã trình bày, tác giả lồng ghép tư tưởng hệ trong văn bản mà mình tạo ra. Để phát hiện những thông tin liên quan đến thông điệp gắn với xã hội – chính trị, cần thiết phải chú ý tới bốn vấn đề sau đây : *thông tin văn hoá – xã hội, góc độ được chọn, kiến thức giả định, và những yếu tố then chốt*. Dưới đây những vấn đề này sẽ được trình bày chi tiết.

2.1. Thông tin văn hoá – xã hội

Các nhà phân tích diễn ngôn Gumperz (1982), McCarthy và Carter (1994), và các nhà phân tích diễn ngôn phê phán Chouliaraki and Fairclough (1999) đã nhấn mạnh đến thông tin liên quan đến văn hoá – xã hội khi phân tích văn bản.

Gumperz (1982) cho rằng để thuyết minh một cuộc trao đổi, người ta cần chia sẻ không chỉ kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp), mà còn kiến thức văn hoá – xã hội liên quan đến cả “bối cảnh tự nhiên, kiến thức cá nhân của người tham gia giao tiếp và thái độ của họ đối với nhau, những kiến thức văn hoá – xã hội được giả định liên quan đến các mối quan hệ gắn với vai trò và địa vị” lẫn “những giá trị xã hội” mà người tham gia giao tiếp muốn truyền đạt [9, tr.153].

Ứng dụng lí thuyết vào thực tế phân tích một văn bản cụ thể, ta nhận thấy quá trình thuyết minh nghĩa phải được thực hiện ở cả ba cấp độ sau đây : ngôn ngữ, tình huống (bối cảnh tự nhiên, người tham gia, vai trò, các mối quan hệ) và văn hoá (các giá trị xã hội).

Gumperz (1982) cho rằng hai cấp độ cuối cùng là vô hình trong văn bản, và những gì không thể nhìn thấy được không phải là ít quan trọng hơn những gì có thể được tìm thấy trong văn bản : “kiến thức về thế giới và các tiền giả định không nên được xem như là thêm sự tinh tế vào hoặc làm rõ những gì chúng ta biết được từ nội dung mệnh đề của các phát ngôn” [9, tr.207].

Tương tự, McCarthy và Cater (1994) lập luận rằng nên thuyết minh nghĩa của một văn bản bằng cách đặt nó trong văn cảnh bởi vì nghĩa của một văn bản có thể được phát hiện không chỉ từ những gì có trong văn bản, mà còn từ những gì tồn tại bên ngoài xã hội : “Quan điểm về ngôn ngữ dựa vào diễn ngôn đòi hỏi chúng ta phải xem xét không chỉ những mẫu ngôn ngữ biệt lập, tách ra khỏi văn cảnh ... Nó đòi hỏi phải khám phá mối quan hệ giữa các mô hình ngôn ngữ của các văn bản hoàn chỉnh và văn cảnh xã hội mà ở đó các văn bản này hành chức” [13, tr.38]. Các văn cảnh xã hội này bao gồm hai tầng : “các hoạt động có trật tự cao” và “các hình thái có trật tự thấp” [13, tr.38]. Khi xem xét kỹ lưỡng hơn, có thể thấy hai trật tự này tương ứng với tình huống và văn hoá.

Cũng giống như các nhà nghiên cứu trên, Chouliaraki và Fairclough [1, tr.50] dựa vào ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday đã đề nghị rằng ngôn ngữ hiện thực hoá một cách có hệ thống các quá trình và quan hệ xã hội. Theo cách hiểu này, văn bản nên được thuyết minh trong văn cảnh tình huống của nó, và thông qua đó là văn cảnh văn hoá.

Vì thế, có thể hình dung việc ứng dụng các nghiên cứu này vào trong thực tế như sau : nghĩa bề mặt ngôn ngữ có thể tiếp tục được đào sâu thêm bằng cách qui chiếu vào một số thành tố then chốt của văn cảnh tình huống như người tham gia, vai trò, các mối quan hệ, và bối cảnh. Sau đó, hành vi của người tham gia chính có thể tiếp tục được làm sáng tỏ bằng cách qui chiếu vào văn cảnh văn hoá, có nghĩa là, hệ đức tin và giá trị ngầm ẩn bên dưới việc sử dụng ngôn ngữ.

2.2. Góc độ được chọn

Vấn đề góc độ trong quá trình tạo dựng một văn bản được lựa chọn như thế nào có thể tìm thấy trong các công trình của các nhà phân tích diễn ngôn như Kress và Hodge (1979), Gee (1990, 1992, 1999, 2001) và Lee (1992).

Ngôn ngữ thường được liên tưởng đến như một phương tiện giao tiếp. Trong quá trình này, việc trao đổi thông tin đóng vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, cùng với sự ra đời của lí thuyết *Hành động lời nói* của Austin, người ta nhận thấy ngôn ngữ

được sử dụng không chỉ như là một phương tiện giao tiếp. *Nói là làm. Nói là thực hiện một hành động.* Và hành động này được chọn ở *một góc độ* nào đó.

Kress và Hodge (1979) lập luận rằng ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp, mà còn là phương tiện *kiểm soát* : người ta sử dụng ngôn ngữ để phóng chiếu các mối quan hệ xã hội từ một góc độ nào đó. Góc độ này luôn luôn được các giá trị lấp đầy, hay nói cách khác, luôn mang “*tư tưởng hệ*” nào đó. Các tác giả này cho rằng góc độ này thường được xem là “*sự thật*” :

Các hình thức ngôn ngữ cho phép chuyển tải và bóp méo những sự kiện có ý nghĩa. Bằng cách này, người nghe vừa bị điều khiển vừa được thông tin, và thường thì họ bị điều khiển trong khi cứ nghĩ rằng mình được thông tin. Ngôn ngữ mang tư tưởng hệ theo một nghĩa khác, mang tính chính trị nhiều hơn, của từ đó : nó bao gồm việc bóp méo một cách có hệ thống để phục vụ lợi ích giai cấp. [11, tr.6]

Có thể ứng dụng nghiên cứu của Kress và Hodge vào thực tế như sau : khi phân tích một văn bản, ta nên nhớ rằng thông tin được giao tiếp không tương ứng với “*sự thật*” đơn lẻ. Điều này xảy ra bởi vì cho dù có chủ ý hay không người viết kiểm soát những gì mình viết ra. Và người viết thường viết để phục vụ lợi ích của riêng mình, chẳng hạn như viết để phục vụ lợi ích giai cấp. Vì thế, sự thật được trình bày luôn xuất phát từ một góc độ riêng của tác giả.

Tương tự, Lee (1992) nói về vấn đề *quyền lực* của người viết trong việc tạo ra mối quan hệ giữa ngôn ngữ với góc độ và tư tưởng hệ. Những người có quyền hạn tạo một văn bản có thể chọn một góc độ nào đó. Góc độ này luôn mang tính tư tưởng. Và các góc độ khác nhau đòi hỏi sự lựa chọn các đặc trưng ngôn ngữ, như từ vựng và ngữ pháp, khác nhau. Ông lập luận rằng :

Rõ ràng là việc tạo ra văn bản liên quan rất nhiều đến sự sử dụng quyền lực. Căn cứ vào cách góc độ được dàn xếp thông qua cấu trúc văn bản và cách thức tạo văn bản, dường như những người kiểm

soát việc tạo ra văn bản thì kiểm soát luôn cả sự vận hành tư tưởng hệ. [12, tr. 107]

Vì vậy, những đặc trưng ngôn ngữ cụ thể trong một văn bản được lựa chọn bởi vì tác giả muốn đề cao một hệ tư tưởng nào đó. Người viết có quyền hạn để làm điều này.

Cũng với lời nói như vậy, Gee (1990, 1992, 1999, 2001) lập luận rằng ngoài chức năng giao tiếp, ngôn ngữ còn là *hành động* và *sự gắn kết* với một cộng đồng văn hoá nào đó. Ông cho rằng nếu ta quan tâm đến ngôn ngữ trong văn cảnh xã hội thì ta nên tập trung vào điều mà ông gọi là “Diễn ngôn” trong đó chữ cái “D” được viết hoa [5, tr.xv]. Quan trọng hơn, Diễn ngôn là “cách hành xử, tương tác, định giá trị, tư duy, tin tưởng, ... của những nhóm người cụ thể” [5, tr.xix]. Nói cách khác, Diễn ngôn được “thông lệ xã hội” cấu thành [5, tr.xix], và trong thông lệ xã hội, “đức tin và giá trị của chúng ta định dạng cách chúng ta hiện thực hoá các mối quan hệ xã hội” [5, tr.9].

Diễn ngôn luôn là cách phô bày (thông qua từ ngữ, hành động, giá trị, và đức tin) tư cách thành viên trong một nhóm xã hội hoặc một mạng lưới xã hội riêng biệt (những người kết giao với nhau dựa theo một tập hợp các quyền lợi, mục đích, và hoạt động chung). (Phần nhấn mạnh có trong bản gốc, [6, tr.106].

Khi bàn về cách phô bày tư cách thành viên trong một nhóm xã hội cụ thể thông qua phương tiện ngôn ngữ, Gee (1999) lập luận mạnh mẽ rằng chức năng của ngôn ngữ không chỉ giới hạn ở chỗ là phương tiện trao đổi thông tin. Ngôn ngữ nên được coi như “là hành động và sự gắn kết” với một nhóm xã hội cụ thể [7, tr.1]. Nói cách khác, việc sử dụng ngôn ngữ được xem như một hành động được lựa chọn từ một góc độ và đến lượt mình góc độ luôn luôn chứa đầy hệ giá trị nào đó :

Người ta thường khẳng định rằng chức năng ngôn ngữ của con người là để chuyển tải thông tin, nhưng tôi tin rằng điều này không

đúng ... Ở đây tôi lập luận rằng ngôn ngữ của con người có hai chức năng chính mà thông qua đó ngôn ngữ có thể được nghiên cứu và phân tích một cách tốt nhất. Tôi muốn trình bày những chức năng này như sau : để phác họa việc thực hiện hành động trong thế giới, bao gồm những hoạt động và tương tác xã hội ; để phác họa sự gắn kết của con người trong một nền văn hoá và các nhóm xã hội và thể chế thông qua việc tạo ra và lôi kéo những người khác chọn những góc độ nào đó khi nói về kinh nghiệm. Hành động là chức năng quan trọng nhất trong trong phát biểu đầu tiên ; góc độ là từ quan trọng nhất trong phát biểu thứ hai. [8, tr.715]

Tầm quan trọng của những nghiên cứu này nằm ở chỗ chúng cho thấy rằng các văn bản không chỉ là những cách diễn đạt nội dung, mà còn là *những hành động*, có nghĩa là, chúng được dự định để làm một việc gì đó. Và hành động luôn bao gồm một góc độ cụ thể. Góc độ này luôn thể hiện của một giai cấp nào đó. Vì thế, hành động luôn bao liên quan đến những yếu tố của các mối quan hệ quyền lực.

Do đó, hiểu một văn bản là một loại nhiệm vụ mang tính phản chiếu. Một mặt, có những con người trong văn bản. Những người này làm những việc gì đó và chúng ta có thể nhận diện được hành động của họ. Mặt khác, cũng có quan điểm của tác giả. Chúng ta có thể nhận biết tác giả có cảm thấy đồng cảm hay không, hoặc có nghĩ rằng người đó có “tốt” hay không.

2.3. Kiến thức giả định

Kiến thức văn hoá – xã hội liên quan đến nội dung văn bản được đề cập đến trong các nghiên cứu của Gumperz, McCarthy và Carter, và Chouliaraki và Fairclough ở trên thường được tác giả *giả định*. Nói cách khác, tác giả tưởng tượng ra người đọc khi viết và trên cơ sở đó chỉ cung cấp thông tin mà người đọc được giả định là chưa có. Coulthard lập luận rằng chúng ta cần phân biệt giữa người đọc được tưởng tượng ra và người đọc thật :

Khi tôi tạo văn bản này, tôi không có cách nào biết bất kì điều gì về bạn, người đọc hiện tại của tôi. Tôi cũng không biết bạn sẽ đọc văn bản của tôi khi nào và ở đâu. Vì thế, tôi không thể tạo ra văn bản của mình mà có bạn trong đầu. Tôi không thể tính đến những gì bạn đã biết rồi và những gì bạn chưa biết, những gì bạn tin và những gì bạn không tin.

Vì thế, chiến lược duy nhất mở ra cho tôi là tưởng tượng ra Người đọc, và tạo ra văn bản cho người đọc được tưởng tượng ra đó. Chỉ có bằng cách này tôi mới có thể quyết định tôi cần nói gì và tôi có thể giả định điều gì, những phần nào trong lập luận của tôi phải được nói ra một cách chi tiết và những gì có thể được nói lướt qua hoặc bỏ hoàn toàn. Người viết không thể bắt đầu từ đâu mọi thứ. [4, tr.3]

Nguyên lí quan trọng nhất trong công trình của Coulthard là nhiều thông tin được người viết giả định về mặt văn hoá. Đây là những giả định không bị xem xét về thể giới, có nghĩa là, những gì được “hiểu” là tồn tại, là đúng, là tốt, và là xấu. Thường thì người ta mong đợi là những giả định văn hoá này được chia sẻ, hoặc ít nhất là được phần lớn những đọc giả cùng nhóm văn hoá/tiểu văn hoá chia sẻ.

Nghiên cứu trên có thể được ứng dụng vào thực tế như sau : khi phân tích văn bản, quan trọng là phát hiện ra kiến thức văn hoá – xã hội mà người viết giả định người đọc của mình sẽ chia sẻ, bởi vì phần lớn thông tin liên quan đến tình huống và văn hoá để đào sâu nghĩa của văn bản nằm ở đó.

2.4. Những yếu tố then chốt

Thông tin văn hoá – xã hội cần để thuyết minh một văn bản đang bàn đến có thể được tìm thấy bằng cách xem xét một số *yếu tố ngôn ngữ then chốt*. Đại diện cho một truyền thống phân tích diễn ngôn, van Dijk (2001) lập luận : “cũng trong phân tích diễn ngôn phê phán, chúng ta phải có sự lựa chọn, và chọn những cấu trúc có liên quan đến việc nghiên cứu một vấn đề trong xã hội để phân tích

sâu hơn” [18, tr.99]. Trong số rất nhiều các đơn vị ngôn ngữ, có thể xem xét “... trật tự từ, phong cách từ vựng, tính mạch lạc, ... sự lựa chọn chủ đề ...” [18, tr.99]. Vì thế, van Dijk nói riêng và các nhà phân tích diễn ngôn phê phán khác tập trung vào việc phát hiện những yếu tố liên quan đến quyền lực và lợi ích thông qua việc phân tích văn bản. Cách tiếp cận của họ là xem xét một số yếu tố ngôn ngữ then chốt.

2.5. Tiểu kết

Tóm lại, tất cả những nghiên cứu trên cho thấy rằng, trong thực tế, để thuyết minh một văn bản, chúng ta cần nhắc kĩ càng những vấn đề sau đây :

- góc độ được lựa chọn
- nghĩa (ngôn ngữ) bề mặt được mở rộng bằng cách qui chiếu vào văn cảnh văn hoá – xã hội ở hai cấp độ : tình huống và văn hoá
- kiến thức văn hoá – xã hội được người viết giả định
- một số yếu tố ngôn ngữ then chốt được xem xét nhằm khám phá thông tin văn hoá – xã hội

Nói cách khác, khi phân tích nghĩa, câu hỏi sau đây cần được cân nhắc :

- Tác giả muốn chúng ta tin/cảm thấy/để ý đến cái gì?

Để nắm bắt được điều này, câu hỏi sau đây cần được trả lời :

- Diễn ngôn được sử dụng là gì?

Để trả lời câu hỏi này, những giả định không được xem xét về thế giới cần phải được tìm kiếm, có nghĩa là, điều gì được hiểu như là đang tồn tại, là đúng, là tốt, là xấu, và những giá trị khác. Trả lời những câu hỏi sau đây có thể giúp bộc lộ những giả định không được xem xét :

- Ai (loại người nào) viết điều này? Điều được viết đặt người đọc vào vị trí nào? Ai được bao gồm trong thế giới của người viết? Ai/cái gì bị bỏ ra ngoài?

Cuối cùng, việc xem xét những đặc trưng được trình bày ở trên được hiện thực hoá trong ngôn ngữ như thế nào cần được tiến hành bằng cách đặt câu hỏi sau :

- Sự lựa chọn nào về từ ngữ, cấu trúc, thì, tình thái, và tương tự như thế, thật sự chuyển tải những nội dung có thể rút ra từ văn bản?

3. Một thí dụ để minh họa

3.1. Sao chép lại văn bản



The happiest person in Britain

The happiest person in Britain today is a professional married man between the ages of 35 and 54. He lives in the south of England but not in London. He owns a comfortable, detached house and has two children.

What does he do?
He has a steady job in an office in London. After a hard day at work, he relaxes in front of the television or watches a video. He doesn't go out every evening, but two evenings a week he meets friends for a drink in the local pub. He owns a pet, usually a dog, and takes it for a walk every day after work. He spends on average £120 per week.

Where does he go?
At the weekend, he regularly eats in restaurants, goes to see shows, and plays a sport (usually golf). Most weekends he puts on a pair of old blue jeans, and potters in the garden. He usually goes on holiday abroad more than once a year.

What does his wife do?
His wife is happy, too, but not quite as happy. She runs the home and has a job, but she doesn't earn as much as her husband.

Mr Happy!
John Smith aged 45, an accountant from Surrey

The image shows a man in a suit standing next to a woman, two children, and a dog in front of a large brick house.

Soars, L., & Soars, J. (1996a). *New Headway*. Intermediate. Student's Book. Oxford : Oxford University Press, p. 16. [16]

3.2. Phân tích

Khi xem xét văn cảnh của văn bản, chúng ta có thể nhận thấy rằng liên quan đến *chủ đề* của văn bản này, khái niệm *hạnh phúc* trong văn bản được phóng chiếu từ một *góc độ riêng biệt*. Góc độ này rõ ràng là gắn chặt với bản sắc xã hội. Một số yếu tố then chốt của bản sắc xã hội này là *giới tính* (lấy nam giới làm trung tâm), *vai trò* (người đàn ông là trụ cột nuôi cả gia đình), *tuổi tác* (ở độ tuổi trung niên), *nghề nghiệp* (công chức), *giai cấp xã hội* (giai cấp trung lưu/thượng lưu), *tình trạng hôn nhân* (đã có lập gia đình có hai con), *dân tộc* (da trắng gốc Anglo).

Có ba loại người tham gia trong văn cảnh xã hội này : (i) người tham gia chính – John Smith, (ii) vợ ông ta, và (iii) các con của họ. Mặc dù ngay từ đầu văn bản đặt ra nhiệm vụ miêu tả “người hạnh phúc nhất ở Anh quốc” (“the happiest person in Britain”) (danh từ *người* (*person*) là trung tính), nhưng gần như toàn bộ văn bản là về người đàn ông trong gia đình (*lấy nam giới làm trung tâm*). Vì thế, văn bản này chủ yếu là về người tham gia chính và những việc làm của ông ta : ông ta là đề tài (topical theme) trong phần lớn các mệnh đề trong văn bản, và, vì thế, phần thuyết thuyết (rheme) của phần lớn các mệnh đề là *về ông ta*.

Người đàn ông được đặt cho một cái tên là “John Smith”. Hai tên này, tên được đặt và họ, dành cho nam giới và phổ biến nhất ở Anh quốc [17, tr.17]. Vì thế, nó là một cái tên có đặc điểm chung và không nói về riêng ai. Vợ ông ta, một người tham gia khác, không được gọi tên, và được nhận diện một cách đơn giản như là “vợ ông ta” (“his wife”). Trong văn bản, người phụ nữ được giới thiệu thoạt đầu như sau : “Vợ ông ta làm gì?” (“What does his wife do?”). Trong hình minh họa, người đàn ông đứng ở cận cảnh (quan trọng và hạnh phúc hơn) cùng với một con chó, còn vợ ông ta cùng các con đứng ở hậu cảnh (ít quan trọng và ít hạnh phúc hơn).

Hành động của người tham gia chính và vợ ông ta (cả có lời lẫn không lời) phản ánh khá rõ nét các *vai trò của người tham gia* trong văn cảnh xã hội này. Các vai trò liên quan đến giới tính được tách biệt ra trong gia đình hạt nhân này :

đàn ông như là lao động chính còn phụ nữ chủ yếu như là người chăm sóc có việc làm chỉ để phụ thêm vào thu nhập gia đình, chứ không phải như là một nghề (*He has a steady job in an office in London. After a hard day at work, ... His wife runs the home and has a job, but she doesn't earn as much as her husband*). Hành động của người tham gia chính và vợ ông ta cũng phản ánh khá rõ nét các *qui tắc giao tiếp* trong gia đình này. Những *qui tắc* này đến lượt mình xác nhận sự tách biệt các vai trò liên quan đến giới tính. Các hành vi có thể quan sát được phản ánh các vai trò của người tham gia như vừa được đề cập – nam có địa vị cao hơn nữ.

Có sự cân xứng giữa công việc sự nhàn rỗi, hoặc thậm chí sự nhàn rỗi được tạo dựng cho người nam (*relaxes in front of the television, or watches a video, meets friends for a drink, owns a pet, spends on average £120 per week, regularly eats in restaurants, goes to see shows, plays golf, goes on holiday abroad*), trong khi đó người nữ được miêu tả chỉ như là “không hạnh phúc bằng, không kiếm được nhiều tiền như chồng mình” (*not quite as happy, doesn't earn as much as her husband*). Chuỗi sự kiện (trật tự các sự kiện) hoặc tính trước tiên (trật tự đề cập đến nam và nữ) cũng phản ánh cách nữ giới được đối xử : người phụ nữ chỉ được đề cập ngắn gọn trong đoạn văn cuối cùng. Nói tóm lại, sự phân biệt đối xử do giới tính được phản ánh như sau : (i) tiêu điểm là người nam, và (ii) những người khác được rút gọn lại. Có thể suy luận từ đây rằng xã hội có thành kiến giới tính, và có thể nhận thức được rằng tác giả thảo luận miêu tả sinh động một xã hội như vậy.

Bối cảnh (không gian) trong văn bản là khu ngoại ô (*He lives in the south of England but not in London ; from Surrey ; He owns a comfortable, detached house*). Khái niệm hạnh phúc ở khu ngoại ô được hình dung trong bối cảnh của một vùng quê. Người Anh có suy nghĩ lí tưởng về miền quê mặc dù phần lớn sống ở thị trấn hoặc thành phố :

Phần lớn người Anh sống ở thị trấn và thành phố. Nhưng họ có suy nghĩ lí tưởng về miền quê. Đối với người Anh, miền quê gần như

không được liên tưởng một cách tiêu cực như ở các nước khác, chẳng hạn như có cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu các cơ hội giáo dục, thất nghiệp và nghèo nàn. Đối với họ, miền quê đồng nghĩa với sự bình yên, tĩnh lặng, sức khỏe tốt và không có tội phạm. [14, tr.61]

Cần lưu ý ở đây là do ngôi nhà và khu vườn của ông ta cho thấy môi trường xung quanh là thành thị chứ không phải nông thôn và ông John Smith hàng ngày đi đến thủ đô Luân Đôn để làm việc và về nhà kịp lúc để dắt chó đi tản bộ hàng ngày, nên có thể suy ra rằng nhà ông ta nằm ở vùng ngoại ô, mặc dù cũng không loại trừ khả năng ông ta sống ở một thị trấn nhỏ hoặc thậm chí ở một ngôi làng không xa Luân Đôn.

Văn bản này dường như gợi lên những đức tin và giá trị mang tính chất nền tảng hơn như sau. Trước hết, liên quan đến *định hướng không gian*, người ta nghĩ rằng nhà biệt lập (detached house) là đáng khát khao bởi vì nó mang lại nhiều *sự riêng tư* hơn. Châm ngôn Anh “An English man’s home is his castle” (Nhà của người Anh cũng là tòa lâu đài của họ = đối với người Anh không đâu tự do thoải mái bằng nhà của họ) minh họa khát khao có được sự riêng tư. Dường như khát khao này là tâm điểm của thái độ người Anh khi nói về nhà cửa [14, tr.175]. Mặc dù nước Anh ngày nay là một đất nước có nền công nghiệp phát triển cao, với nhiều người sống ở các căn hộ thành phố, ý tưởng về một ngôi nhà đứng tách biệt bao quanh là bãi cỏ và khu vườn, có hàng rào để duy trì sự riêng tư, phần nhiều vẫn còn là một phần trong giấc mơ của người Anh. Trong văn bản này, ông John Smith hồi phục lại chính mình ở đó (*puts on a pair of old jeans, relaxes in front of the television or watches a video*). Tất cả những đặc điểm khác trong việc thiết kế ngôi nhà phản ánh giá trị văn hoá này: khu vườn có bãi cỏ, cây, và bụi cây mang lại sự riêng tư nhiều hơn [14, tr.197]; chỉ có một cánh cửa độc nhất và màn cửa phủ các cửa sổ, để người ngoài không biết chuyện gì đang xảy ra bên trong ngôi nhà. Giá trị riêng tư cũng rõ ràng bên trong ngôi nhà: ít nhất là ba phòng ngủ (một thuộc về bố mẹ, một cho con trai và một cho con gái). Thậm chí nếu như trên thực tế nhiều người Anh không đạt được giấc mơ đó, thì nhà vẫn thường

được nghĩ về như là một nơi cuộc sống gia đình có thể diễn ra mà không có sự can thiệp từ những người khác.

Một giá trị văn hoá khác liên quan đến *định hướng về mối quan hệ con người* là *gia đình hạt nhân* mà ở đó các *vai liên quan đến giới tính* là *tách biệt nhau* : đàn ông được xem như trụ cột nuôi cả gia đình còn phụ nữ là người chăm sóc. Đây là phiên bản hiện đại của các vai liên quan đến giới tính có thể được tìm thấy trong xã hội truyền thống : đàn ông là người đi săn còn phụ nữ chủ yếu là người nuôi nấng. Như Orton [15, tr.3] nhắc nhở chúng ta, một trong những nguyên tắc cơ bản được xác lập trong di sản của đạo Cơ-đốc “nam có vị trí hơn nữ”, và “sự chăm sóc của người mẹ” được phản ánh khá rõ nét trong gia đình hạt nhân này với các vai trò liên quan đến giới tính tách biệt nhau.

“Sống hay đã chết, có thật hay được tưởng tượng ra, anh hùng là người có những đặc điểm được đề cao trong một nền văn hoá, và vì thế phục vụ như là kiểu mẫu cho hành vi” [10, tr.8]. Ngoài những giá trị chính được phản ánh khi trình bày về người hạnh phúc, văn bản còn gợi lên hình ảnh về một người anh hùng ở nước Anh hoặc phương Tây. Một số đặc điểm chính của người anh hùng này là : (i) *sức mạnh thân thể*, (ii) *sống với thiên nhiên*, và (iii) *duy trì sự kiểm soát thiên nhiên*. Trong khi bị cuộc sống đô thị thuần hoá ở một mức độ nào đó, người anh hùng của văn bản vẫn nỗ lực tìm kiếm thú vui (*He plays golf*), và sống hài hòa gần gũi thiên nhiên (ông ta sở hữu một con vật vốn hoang dã và một mảnh đất), kiểm soát cả hai (*he walks the dog daily ; he potters in the garden*). Những đặc điểm này trong phần trình bày người hạnh phúc gợi lên định hướng về quan hệ giữa con người với thiên nhiên mang tính chất nền tảng hơn nào đó.

Một trong 25 tập hợp những định hướng giá trị được Condon và Yousef [3, tr.60-62] vạch ra liên quan đến *định hướng về bản chất con người*. Đó là “ý nghĩa cuộc sống” cùng với một phạm vi các biến thiên : “các mục đích vật chất”, “các mục đích trí tuệ”, và “các mục đích tinh thần” [3, tr.62]. Một giá trị nổi bật trong văn bản, giả định không nói ra, là sự sung túc được đồng nghĩa với hạnh phúc. Chúng ta liên tục được đảm bảo về giá trị quá thiên về vật chất này bằng

các chi tiết được cung cấp trong văn bản. Vì thế, một cách tường minh người đàn ông “*lives in the south of England ; owns a comfortable, detached house ; has a steady job (accountant) in an office in London ; has a dog ; spends on average £120 per week ; regularly eats in restaurants ; goes to see shows ; plays golf ; and goes on holiday abroad more than once a year.*” Một cách ngầm ẩn, tất cả những yếu tố ngôn ngữ này được liên tưởng tới sự sung túc : *living in the south of England, or in Surrey* : càng đi về phía nam hoặc đông nam từ Luân Đôn, càng đất đỏ ; *owning a detached house* : nhà biệt lập rất là đắt tiền ; *a steady job in an office in London* : có thể kiếm được nhiều tiền ; *dog* : con chó được minh họa rất phổ biến và được gọi tên là *Golden Retriever*. Nó cũng rất đắt tiền. Thậm chí một con chó nhỏ này cũng đáng giá 600 bảng Anh hoặc hơn thế nữa ; *spending £120 per week* : trên mức trung bình ; *regularly eating in restaurants, going to see shows* : expensive ; *playing golf* : người ta phải trả khoảng £20,000 để trở thành hội viên, trả £2,000-5,000 hàng năm, chờ đợi một thời gian dài để nhập hội, và trả tiền mỗi khi chơi ; *going on holiday abroad more than once a year* : đắt tiền. Nói tóm lại, ý nghĩa cuộc sống, hay khái niệm về hạnh phúc, được tác giả phóng chiếu bao gồm nhiều thành đạt liên quan đến vật chất.

Nói tóm lại, các định hướng giá trị cơ bản rõ ràng trong văn bản đã được xác định bao gồm : (i) định hướng không gian : sự riêng tư, (ii) định hướng bản chất con người : làm chủ thiên nhiên (để phục vụ lợi ích con người), (iii) định hướng quan hệ con người : chủ nghĩa cá nhân (quyền của mỗi cá nhân) ; nam có địa vị hơn nữ (các vai trò liên quan đến giới tính tách biệt nhau, gia đình hạt nhân), và (iv) định hướng bản chất con người : hạnh phúc như là mục đích trong cuộc sống được hiện thức hoá trong sự giàu có về vật chất và một phạm vi thú vui cá nhân mà để thực hiện được cần có tiền.

Người viết không thể “bắt đầu một thứ từ đầu” [4, tr.4]. Thay vào đó, tất cả người viết giả định một “nền chung của cộng đồng”, với người đọc của mình, “như là cơ sở để suy luận điều họ biết, tin, hoặc thừa nhận” [2, tr.100]. Nhiều kiến thức có thể được suy ra trong văn bản đang được xét liên quan đến việc xã

hội Anh nên được tổ chức như thế nào. Trong số những kiến thức quan trọng nhất có : John Smith watches TV *with his wife and sometimes children* (ông John Smith xem tivi với vợ mình, và đôi khi với các con mình), goes to the pub *with his male friends* (đến quán rượu với những người bạn nam của mình), potters in the garden *with his wife and children* (làm việc trong khu vườn với vợ và các con mình), tuy vậy he goes on holiday *with his wife* (ông đi nghỉ với vợ mình). Mặc dầu không nói ra nhưng điều này xảy ra như vậy bởi vì họ muốn kì nghỉ là khoảng thời gian đặc biệt dành cho họ : để nó thực sự mang tính giải trí ; có lẽ bà sẽ đến chăm sóc các cháu, hoặc là chúng sẽ đến ở với anh chị em họ. Người ta không đề cập đến bữa ăn tối, nhưng kiến thức và giả định văn hoá bảo cho người ta biết rằng *ông ta ăn tối ở nhà* và ông làm việc này *cùng với vợ và con mình*.

Góc độ chứa đầy các giá trị sau đây định dạng tình huống văn hoá mà ở đó khái niệm hạnh phúc được xây dựng nên : giai cấp xã hội (*giai cấp trung/thượng lưu*), dân tộc (*gốc Anglo da trắng*), giới tính (*lấy nam làm trung tâm*), loại gia đình (*gia đình hạt nhân*), nơi cư ngụ (*ngoại ô*), loại nhà ở (*biệt lập*), và tương tự như vậy. Tuy nhiên, văn bản chỉ đại diện một bộ phận xã hội Anh.

4. Kết luận và gợi ý

Ngôn ngữ là công cụ để chuyển tải thông điệp liên quan đến hệ tư tưởng – kiến thức chính trị và xã hội – của một cộng đồng văn hoá. Vì thế, giảng viên ngoại ngữ phải biết khám phá và khai thác các thông điệp này nhằm giúp người học không chỉ biết thêm một ngoại ngữ mà thông qua đó biết thêm một nền văn hoá để soi sáng chính nền văn hoá của dân tộc mình. Hay nói cách khác, dạy ngoại ngữ là giúp người học phát triển nhận thức ngôn ngữ và văn hoá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chouliaraki, L., & Fairclough, N. (1999). *Discourse in late modernity*. Edinburgh : Edinburgh University Press.
- [2] Clark, H.H. (1996). *Using language*. Cambridge : Cambridge University Press.

- [3] Condon, J.C., & Yousef, F.S. (1975). *An introduction to intercultural communication*. Indianapolis : Bobbs-Merrill Educational Publishing.
- [4] Coulthard, M. (1994). On analysing and evaluating written texts. In M. Coulthard (Ed.), *Advances in written text analysis* (pp. 1-11). London : Routledge.
- [5] Gee, J.P. (1990). *Social linguistics and literacies : ideologies in discourses*. London : The Palmer Press.
- [6] Gee, J.P. (1992). *The social mind : language, ideology, and social practice*. New York : Bergin and Garvey.
- [7] Gee, J.P. (1999). *An introduction to discourse analysis : theory and method*. London : Routledge.
- [8] Gee, J.P. (2001). Reading as situated language : a sociocognitive perspective. *Journal of Adolescent and Adult Literacy*, 44(8), 714-725.
- [9] Gumperz, J.J. (1982). *Discourse strategies*. Cambridge : Cambridge University Press.
- [10] Hofstede, G. (1997). *Cultures and organisations : software of the mind*. London : McGraw-Hill.
- [11] Kress, G., & Hodge, R. (1979). *Language as ideology*. London : Routledge & Kegan Paul.
- [12] Lee, D. (1992). *Competing discourses : perspectives and ideologies in language*. London : Longman.
- [13] McCarthy, M. & Carter, R. (1994). *Language as discourse : perspectives for language teaching*. London : Longman.
- [14] O'Driscoll, J. (1995). *Britain*. Oxford : Oxford University Press.
- [15] Orton, J. (2000, November 26-27). *Culture in school language learning*. Paper presented at the National LOTE Conference, Melbourne.
- [16] Soars, L., & Soars, J. (1996a). *New headway*. Intermediate. Student's Book. Oxford : Oxford University Press.
- [17] Soars, L. & Soars, J. (1996b). *New headway*. Intermediate. Teacher's Book. Oxford : Oxford University Press.

- [18] van Dijk, T.A. (2001). Multidisciplinary CDA : a plea for diversity. In R. Wodak, & M. Meyer (Eds.), *Methods of critical discourse analysis* (pp. 95-120). London : Sage.

Tóm tắt :

**Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư tưởng hệ
trong phân tích diễn ngôn phê phán**

Ngoài chức năng giao tiếp, ngôn ngữ còn giúp chuyển tải thông điệp liên quan đến hệ tư tưởng – thông tin xã hội và chính trị – của một cộng đồng văn hoá từ một góc độ nào đó. Vì thế, cần thiết phải khai thác và chuyển tải các loại nghĩa này đến người học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng để nâng cao nhận thức ngôn ngữ và (liên) văn hoá.

Abstract :

Correlation between Language and Ideology in Critical Discourse Analysis

In addition to the function of communication, language helps transmit ideological (socio-political) messages of a culture group from a certain perspective which is always value-laden. Therefore, it is advisable to exploit and transfer these meanings to learners of foreign languages in general and English in particular rise learners' linguistic and (inter-) cultural awareness.